

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
THÀNH PHỐ H**

Số: 38/2020/HNGĐ-ST
Ngày 01/12/2020
*V/v Ly hôn giữa chị H và
anh K*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T – THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đàm Viết Khai

2. Ông Bò Xuân Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 01/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/10/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Thôn K, xã T, huyện T, H.

Hiện trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, H

Bị đơn: Anh Đặng Đình K, sinh năm 1992

Đăng ký hộ khẩu thường trú và trú tại: Thôn K, xã T, huyện T, H.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, chị Đỗ Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 26 tháng 12 năm 2016, chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Thành phố H trên cơ sở tự nguyện và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương. Sau khi kết hôn, chị H và anh K sống hòa thuận và hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Chị H đã ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm với anh K từ tháng 2/2020 đến nay. Chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh K nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K có hai con chung là cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Đặng Thanh X, sinh ngày 19/7/2017. Nếu ly hôn, chị Đỗ Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thanh X và không yêu cầu anh Đặng Đình K phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị Đỗ Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Đặng Đình K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Đình K và chị Đỗ Thị H kết hôn tự nguyện, anh chị đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 12 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Trong quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và không tự hòa giải được nên anh K và chị H đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 2/2020. Hiện tại, anh K không còn tình cảm với chị Huệ và vợ chồng không có khả năng đoàn tụ nên anh đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh Đặng Đình K và chị Đỗ Thị H có hai con chung là cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Đặng Thanh X, sinh ngày 19/7/2017.

Nếu ly hôn, anh K có nguyện vọng nuôi cả hai cháu Đặng Bảo N, Đặng Thanh X và không yêu cầu chị Huệ phải đóng góp phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh Đặng Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của chị Đỗ Thị H trình bày: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và được tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2015. Trong thời gian chung sống, do bất đồng trong cách cư xử và lời nói dẫn đến việc chị H và anh K thường xuyên cãi nhau, đánh nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng và không tự hòa giải được nên chị H đã về sống cùng với bà H từ tháng 2/2020 đến nay. Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K có hai con chung là cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Đặng Thanh X, sinh ngày 19/7/2017. Nếu anh K không thay đổi tính cách thì chị H và anh K không còn khả năng đoàn tụ. Bà H luôn tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ về kinh tế cũng như các điều kiện khác để chị H có thể chăm sóc tốt nhất về mọi mặt cho cháu X. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xem xét, tạo điều kiện cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu X.

Bà Phạm Thị M là mẹ đẻ anh Đặng Đình K trình bày: Anh Đặng Đình K và chị Đỗ Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới, anh K và chị H sống cùng với vợ chồng bà M. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên anh K và chị H có cãi nhau, có đánh nhau. Anh K và chị H có hai con chung là cháu Đặng Bảo N và cháu Đặng Thanh X. Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống từ tháng 2/2020 đến nay. Bà M luôn tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ về mặt kinh tế để anh K có điều kiện chăm sóc tốt nhất về mọi mặt cho con chung. Do vậy, bà M đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xem xét, tạo điều kiện cho anh K được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên.

Xác minh tại chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H cung cấp: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K đăng ký kết hôn vào ngày

26/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Sau khi kết hôn, chị H và anh K sống cùng với mẹ anh K tại thôn K, xã T, huyện T, TP. H. Do phát sinh mâu thuẫn trong quá trình chung sống và không tự hòa giải được nên chị H và anh K đã sống ly thân được một thời gian. Chị H và anh K có hai con chung là cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Đặng Thanh X, sinh ngày 19/7/2017. Cả hai cháu đang ở cùng với anh K. Để đảm bảo quyền, lợi ích cho các đương sự trong vụ án, Ủy ban nhân dân xã T đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T trình bày điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi kết thúc, Thẩm phán đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi nghiên hồ sơ vụ án và nghe phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đỗ Thị H được ly hôn Đặng Đình K; Về con chung: Giao cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 16/9/2015 cho anh Đặng Đình K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các Đặng Bảo N đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Đặng Thanh X, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các Đặng Thanh X đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh K và chị H cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác. Anh K, chị H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; Về tài sản chung vợ chồng: Do anh K và chị H không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, các chứng cứ và tài liệu do các đương sự xuất trình, Hội đồng xét xử nhận định:

1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Theo đơn khởi kiện vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình, chị Đỗ Thị H đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn, nuôi con sau khi ly hôn và các vấn đề khác với anh Đặng Đình K, có địa chỉ tại thôn K, xã T, huyện T, TP. H nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

3] Về nội dung vụ án:

3.1] Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K kết hôn vào ngày 26/12/2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, TP. H. Chị H và anh K kết hôn tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo đúng phong tục của địa phương nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên giữa chị H và anh K đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên vợ chồng đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 2/2020 đến nay. Tòa án tiến hành hòa giải để chị H và anh K đoàn tụ nhưng không thành do chị H cương quyết đề nghị Tòa xét xử cho ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K căng thẳng từ lâu, cả hai đã chấm dứt quan hệ tình cảm và sống ly thân một thời gian, chị H và anh K không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H giữ nguyên quan điểm xin ly hôn và anh K cũng nhất trí ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh K là đúng pháp luật.

3.2] Về con chung: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K có hai con chung là cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 16/9/2015 và cháu Đặng Thanh X, sinh ngày 19/7/2017. Nếu ly hôn, chị Đỗ Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng

cháu Đặng Thanh X. Anh Đặng Đình K có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu Đặng Bảo N và Đặng Thanh X.

Xét nguyện vọng nuôi con của H và anh K là chính đáng. Tuy nhiên, anh chị có hai con chung, cả hai đều có chỗ ở ổn định, có công việc, có thu nhập và được gia đình tạo điều kiện hỗ trợ chăm sóc các con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cả chị H và anh K đều có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một con chung. Song, do cháu X còn nhỏ và là con gái nên cần sự quan tâm chăm sóc trực tiếp của người mẹ, bản thân chị H cũng có nguyện vọng nuôi cháu X nên giao cháu Xuân cho chị H, giao cháu N cho anh K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là để đảm bảo quyền và lợi ích tốt nhất cho các cháu và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3] Về đóng góp phí tổn nuôi con chung: Tại phiên tòa, cả chị H và anh K đều không đề nghị nhau phải đóng góp phí tổn nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Đặng Đình K đối với cháu Đặng Thanh X, tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Đỗ Thị H đối với cháu Đặng Bảo N cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

3.4] Về tài sản vợ chồng: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3.5] Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012485 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

3.6] Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Đặng Đình K.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thanh X, sinh ngày 19/7/2017 cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đặng Thanh X đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Giao cháu Đặng Bảo N, sinh ngày 16/9/2015 cho anh Đặng Đình K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đặng Bảo N đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Đặng Đình K đối với cháu Đặng Thanh X, tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp phí tổn nuôi con chung của chị Đỗ Thị H đối với cháu Đặng Bảo N cho đến khi có đề nghị, thay đổi khác.

Quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn của chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K được pháp luật bảo đảm.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị H và anh Đặng Đình K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0012485 ngày 14/10/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện T.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND. TP H;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện T;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Trung Hòa

